

14c T.T. Học

H2
12/10

UBND TỈNH BẾN TRE
LIÊN SỞ
XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 289 /TB-LN

Bến Tre, ngày 06 tháng 10 năm 2006

BỘ XÂY DỰNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 16169
Ngày: 12/10/2006

THÔNG BÁO

Hướng dẫn thực hiện chuyển tiếp việc kiểm soát giá vật liệu xây dựng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính Phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Công văn số 3112/UBND-TMXDCB ngày 25/9/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện việc kiểm soát giá vật liệu xây dựng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Để tăng cường công tác quản lý chi phí xây dựng theo đúng quy định hiện hành, liên Sở Xây dựng – Tài chính thông báo hướng dẫn thực hiện chuyển tiếp việc kiểm soát giá vật liệu xây dựng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bến Tre như sau:

I- ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

- Thông báo này được quy định áp dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước và các nguồn vốn khác bao gồm cả vốn tư nhân hoặc sử dụng vốn hỗn hợp nhiều nguồn vốn quy định tại mục b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính Phủ.

Đối với những công trình xây dựng do Trung ương quản lý được xây dựng tại địa bàn tỉnh Bến Tre đều phải áp dụng theo thông báo này.

II- THÔNG BÁO GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG

1- Thông báo giá vật liệu xây dựng hàng tháng:

Định kỳ hàng tháng liên Sở Tài chính – Xây dựng thông báo danh mục giá vật tư, vật liệu, thiết bị xây dựng và hàng trang trí nội thất (gọi tắt là giá vật liệu xây dựng) chủ yếu và phổ biến tại các điểm bán tập trung, đây là mức giá tối đa để làm cơ sở tính giá vật liệu đến hiện trường xây dựng (trường hợp đơn vị mua thấp hơn thì tính theo giá thực mua). Trong trường hợp cần thiết liên Sở Tài chính - Xây dựng có thể thông báo giá bổ sung và điều chỉnh giá một số loại vật liệu xây dựng mới và loại vật liệu có giá biến động lớn.

2- Thông báo giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây dựng:

Đơn vị tư vấn thiết kế - dự toán căn cứ vào giá vật liệu xây dựng do liên Sở thông báo hàng tháng tại các điểm bán tập trung, bảng giá cước vận tải, bốc xếp, cự ly vận chuyển, cấp đường, bậc hàng giúp Chủ đầu tư xác định giá vật liệu xây dựng

đến hiện trường xây dựng. Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định và phê duyệt cho từng công trình làm cơ sở lập, thẩm định và phê duyệt tổng dự toán. Liên Sở Tài chính - Xây dựng sẽ không tổ chức thẩm định và phê duyệt như trước đây.

Phương pháp xác định giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây dựng (Bảng hướng dẫn kèm theo).

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Việc xác định giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây dựng được thực hiện trong giai đoạn lập thiết kế - dự toán do đơn vị tư vấn thiết kế lập, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt và ra thông báo.

Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế căn cứ vào yêu cầu của thiết kế được duyệt, quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng và các quy định của thông báo này để lựa chọn phương án mua và sử dụng vật liệu xây dựng công trình đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Trường hợp có những loại vật liệu xây dựng chưa có trong thông báo giá vật liệu xây dựng hàng tháng của liên Sở Tài chính - xây dựng thì có thể căn cứ vào giá phổ biến tại thị trường hoặc báo giá của đơn vị sản xuất, đơn vị cung cấp hoặc giá của các công trình khác đã sử dụng để xác định giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây dựng.

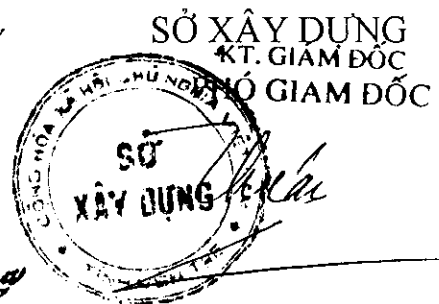
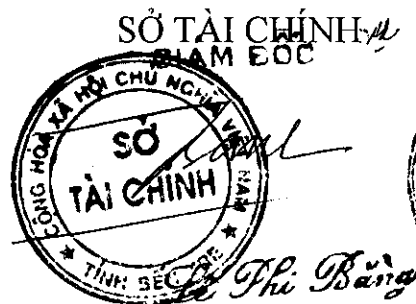
Riêng đối với các loại thiết bị có giá trị lớn, những thiết bị chuyên dùng Chủ đầu tư phải lập dự toán riêng trình cấp có thẩm quyền tổ chức thẩm định và phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan kiểm tra, kiểm soát thường xuyên việc thực hiện thông báo giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Trong quá trình kiểm tra áp dụng thông báo này nếu phát hiện sai trái thì toàn bộ số tiền chênh lệch thanh toán không phù hợp sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

Thông báo này thống nhất thực hiện từ ngày 15/10/2006 và thay thế thông báo số 07/TB-LN ngày 23/7/2004 của Sở Tài chính - Xây dựng hướng dẫn việc kiểm soát giá vật liệu xây dựng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tài chính và Sở Xây dựng để kịp thời xử lý.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế BXD;
 - Vụ Pháp chế BTC;
 - UBND Tỉnh;
 - UBND các Huyện, Thị;
 - Các Sở, Ban, Ngành tỉnh;
 - Các Ban QLDA trong tỉnh;
 - Các đơn vị tư vấn trong tỉnh;
 - Các đơn vị trực thuộc Sở;
 - Lưu VT.
- } thay báo cáo
- } tổ chức thực hiện



HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG

(Kèm theo Thông báo số: 289 /TB-LN ngày 06 tháng 10 năm 2006 của liên Sở Tài chính – Xây dựng)

I - CĂN CỨ XÁC ĐỊNH GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG :

Giá vật liệu xây dựng đến hiện trường dựng: là giá vật liệu xây dựng đến chân công trình bao gồm các chi phí: giá giao vật liệu đến hiện trường, chi phí tại hiện trường xây dựng và được xác định trên các căn cứ sau :

- + Sơ đồ nguồn sản xuất và cung cấp vật tư, vật liệu xây dựng trong phạm vi tỉnh , thành phố hoặc sơ đồ nguồn sản xuất, cung cấp vật tư, vật liệu xây dựng của công trình (do Ban đơn giá công trình xác lập).
- + Giá bán tại nguồn hoặc địa điểm cung cấp tập trung; bảng giá cước vận tải, bốc xếp vật liệu xây dựng ở thời điểm lập đơn giá.
- + Cự ly vận chuyển, cấp loại đường, bậc hàng, loại phương tiện vận chuyển.
- + Một số khoản mục chi phí (chi phí trung chuyển (nếu có), vận chuyển trong nội bộ công trình ...).

II - PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG:

Giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây dựng được xác định theo công thức :

$$G_{VL} = G_{HT} + C_{HT} \quad (1)$$

Trong đó:

G_{VL} : Giá vật liệu đến hiện trường (**Bảng 3**).

C_{HT} : Chi phí tại hiện trường xây dựng (đ/ĐVT)

G_{HT} : Giá giao 1 đơn vị tính của từng loại vật liệu đến hiện trường (đ/ĐVT)

1. Giá giao vật liệu đến hiện trường : (G_{HT}) (Bảng 2)

$$G_{HT} = G_G + C_{V/C} + C_{TC} \quad (2)$$

G_G : Giá gốc 1 đơn vị tính của từng loại vật liệu (đ/ĐVT)

$C_{V/C}$: Chi phí vận chuyển 1 đơn vị vật liệu (đ/ĐVT)

C_{TC} : Chi phí trung chuyển (nếu có) tính cho 1 đơn vị vật liệu (đ/ĐVT)

a. Giá gốc vật liệu: (G_G)

Giá gốc vật liệu (G_G) là giá mua 1 đơn vị tính (m³, tấn, 1000 viên ...) của từng loại vật liệu có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách tại nguồn sản xuất, cung cấp hoặc tại các cửa hàng (hoặc đại lý chính) kinh doanh vật liệu xây dựng, được xác định theo mức giá thấp nhất sau khi đã trừ đi các chi phí cho phép.

- Khi vật liệu chỉ mua ở một nguồn thì giá gốc bình quân chính bằng giá gốc mua tại nguồn đó: $G_G = G_i$

- Nếu vật liệu mua từ nhiều nguồn khác nhau thì g^g được xác định như sau :

+ Trường hợp xác định được số lượng vật liệu mua ở từng nguồn, G_G xác định theo công thức:

$$G_G = \frac{\sum_{i=1}^n G_i \cdot q_i}{\sum_{i=1}^n q_i} \quad (3)$$

Trong đó :

G_i : Giá gốc của 1 đơn vị vật liệu mua tại nguồn i (đ/ĐVT)

q_i : Số lượng vật liệu mua tại nguồn i (m³, 1000 viên, tấn ...)

n : Số nguồn cung cấp vật liệu.

+ Khi chỉ ước lượng được tỷ trọng (%) khối lượng vật liệu qua số liệu thống kê mà không xác định được số lượng mua cụ thể, G_G xác định theo công thức:

$$G_G = \sum_{i=1}^n G_i \cdot f_i \quad (4)$$

Trong đó :

f_i : Tỷ trọng khối lượng vật liệu mua ở nguồn i (%)

+ Khi không có đủ dữ liệu như 2 trường hợp trên thì G_G tính theo phương pháp bình quân số học theo công thức:

$$G_G = \frac{\sum_{i=1}^n G_i}{n} \quad (5)$$

b. Chi phí vận chuyển: (C_{VC})

Khoản chi phí này được xác định căn cứ vào cự ly vận chuyển. Giá cước theo phương tiện vận chuyển, cấp đường, bậc hàng của từng nhóm loại vật liệu do cấp có thẩm quyền quy định.

Cách tính chi phí vận chuyển theo: **(Bảng 1)**

c. Chi phí trung chuyển một đơn vị vật liệu (nếu có):(C_{TC})

Trường hợp đặc biệt bắt buộc phải thực hiện trung chuyển vật liệu trong quá trình vận chuyển vật liệu (do thay đổi phương tiện vận chuyển khi tuyến đường vận chuyển không cho phép sử dụng được một loại phương tiện chuyên chở, hoặc thay đổi vận chuyển từ cơ giới sang vận chuyển bằng thủ công (gánh bộ, xe cải tiến ...)

Chi phí trung chuyển bao gồm:

$$C_{TC} = C_{BX} + C_{HH} \quad (6)$$

Trong đó :

C_{BX} : Chi phí xếp dỡ vật liệu khi trung chuyển tính theo giá cước do địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc căn cứ vào định mức lao động và các chế độ chính sách tiền lương công nhân XDCCB để tính toán.

C_{HH} : Chi phí hao hụt trung chuyển, chi phí này tính bằng định mức tỷ lệ phần trăm trên giá mua (theo quy định của Bộ Xây dựng) + chi phí vận chuyển + bốc dỡ.

2. Chi phí tại hiện trường xây lắp: (C_{HT})

Là chi phí để đưa vật liệu từ trên phương tiện vận chuyển tại hiện trường vào khu vực xây lắp bao gồm:

$$C_{HT} = C_{BD} + C_{VCNB} \quad (7)$$

Trong đó :

(C_{BD}) Chi phí bốc dỡ vật liệu từ phương tiện vận chuyển xuống và xếp vào vị trí theo yêu cầu (đối với các vật liệu không sử dụng phương tiện vận chuyển tự đổ, tự nâng).

Chi phí này được tính theo giá cước xếp dỡ do địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc tính theo định mức lao động trong xây dựng cơ bản (theo quy định của Bộ Xây dựng) và các chế độ chính sách tiền lương đối với công nhân xây dựng cơ bản.

Chi phí vận chuyển nội bộ công trường (C_{VCNB}) trong phạm vi cự ly bình quân theo quy định là 300m cho tất cả các loại vật liệu và các loại công trình. Chi phí này được tính theo định mức lao động vận chuyển trong xây dựng và các chế độ, chính sách tiền lương như đã nói ở trên.

Bảng 1 : Tính chi phí vận chuyển

| TT | Loại Vật liệu | Đơn vị tính | Trọng lượng đơn vị (tấn) | Nguồn mua | Phương tiện vận chuyển | Bậc hàng | Cự ly tổng cộng | Cự ly Phân theo Loại đường | | Giá cước (đ/T.km) | Thành tiền |
|-----|---------------|-------------|--------------------------|-----------|------------------------|----------|-----------------|----------------------------|------------|-------------------|------------|
| | | | | | | | | Cự ly (km) | Loại đường | | |
| [1] | [2] | [3] | [4] | [5] | [6] | [7] | [8] | [9] | [10] | [11] | [12] |
| 1 | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | |

Ghi chú:

- Cột [11]: Giá cước bình quân = $\sum [(Cột [9] \times Cột[10]) / Cột[8]]$
- Cột [12] = Cột [4] x Cột[8] x Cột [11]

Bảng 2 : Tính giá giao vật liệu đến hiện trường

| TT | Loại Vật liệu | Đơn vị tính | Giá gốc (giá mua) | Chi phí vận chuyển | Chi phí trung chuyển (C _{TC})(nếu có) | | | Giá giao vật liệu đến hiện trường (G _{HT}) | |
|-----|------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|---|---|------------|---|------|
| | | | | | Bốc xếp (C _{BX}) | Hao hụt trung chuyển (C _{HH}) | | | |
| | | | | | | % | Thành tiền | | |
| [1] | [2] | [3] | [4] | [5] | [6] | [7] | [8] | [9] | [10] |
| 1 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |

Ghi chú:

- Cột [5] : lấy từ Cột [12] bảng 1
- Cột [6] : tính theo quy định hiện hành
- Cột [7] : lấy theo quy định hiện hành
- Cột [8] = Cột [7] x (Cột [4] + Cột [5] + Cột [6])
- Cột [9] = Cột [6] + Cột [8]
- Cột [10] = Cột [4] + Cột [5] + Cột [9] (nếu có)

Bảng 3. Tính giá vật liệu xây dựng đến hiện trường

| TT | Loại Vật liệu | Đơn vị tính | Giá giao vật liệu đến hiện trường (G _{HT}) | Chi phí tại hiện trường (C _{HT}) | | | Giá vật liệu bình quân tại hiện trường (G _{VL}) |
|-----|------------------|----------------|---|--|---|---------------------------------|--|
| | | | | Chi phí bốc dỡ (C _{BD}) | Chi phí vận chuyển nội bộ C _{VCNB}) | Cộng chi phí tại hiện trường | |
| | | | | | | | |
| [1] | [2] | [3] | [4] | [5] | [6] | [7] | [8] |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

Ghi chú:

- Cột [5] = Định mức lao động bốc xếp x Tiền lương ngày công của công nhân xây dựng hoặc theo mức giá cước xếp dỡ do cấp có thẩm quyền công bố.

- Cột [6] = Định mức lao động vận chuyển trong phạm vi 300m x Tiền lương ngày công của công nhân xây dựng.
- Cột [7] = Cột [5] + Cột [6]
- Cột [8] = Cột [4] + Cột [7]

